

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
*Bản án số: 96/2020/HSST  
Ngày: 18/8/2020*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

**Các hội thẩm nhân dân:**

- Ông Nguyễn Trung Lưu;
- Bà Nguyễn Thị Việt Sáu;

**Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Minh Khuê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P:** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 84/2020/HSST ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1/ Nguyễn Văn S** - Sinh năm 1990 tại Bình Thuận

- Nơi cư trú: Khu phố 03, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
- Dân tộc: Kinh; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
- Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không
- Cha: ông Nguyễn Tấn T1; Sinh năm: 1967; Nghề nghiệp: Lao động biển
- Mẹ: Nguyễn Thị U, Sinh năm: 1969; Nghề nghiệp: Buôn bán
- Anh chị em ruột: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình
- Vợ: Võ Thị Lin Đ, Sinh năm: 1997; Nghề nghiệp: Nội trợ
- Con: Võ Nguyễn Q H, Sinh năm 2018; Võ Nguyễn Q Kh, Sinh năm 2019
- Tiền án: Không;
- Tiền sự:

+ Ngày 08/7/2019, bị Chủ tịch UBND phường M áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo QĐ số

131/QĐ-UBND. Thời hạn là 06 tháng. Ngày 21/10/2019, Chủ tịch UBND phường M ban hành QĐ chấm dứt việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo số 284/GCN-UBND.

Nhân thân:

+ Ngày 30/12/2005 bị Chủ tịch UBND TP P ra QĐ số 36398/QĐUBND áp dụng đưa vào trường giáo dưỡng số 4. Thời hạn chấp hành QĐ là 24 tháng. Chấp hành xong vào ngày 02/9/2007.

+ Ngày 14/03/2014, bị Tòa án nhân dân Tp P xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 39/2014/HSST. Ngày 31/8/2015 đã chấp hành xong, đã được xóa án tích.

+ Ngày 22/11/2019, bị Tòa án nhân dân Tp P ra QĐ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn là 12 tháng. Chưa thi hành xong.

Nguyễn Văn S đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

**2/ Lê Văn T** - Sinh năm 1988 tại Bình Thuận

- Nơi cư trú: Khu phố 15, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.
- Dân tộc: Kinh; Q tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.
- Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Không.
- Cha: ông Lê Văn Ph, Sinh năm: 1948. Nghề nghiệp: Buôn bán.
- Mẹ: Nguyễn Thị C, Sinh năm: 1958. Nghề nghiệp: Buôn bán.
- Anh chị em ruột: Gia đình có 07 anh chị em bị cáo là con thứ tư trong gia đình
- Tiền án, tiền sự: Không
- Nhân thân:

+ Ngày 28/11/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố P tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 201/2019/HSST.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại phân trại 3, Trại giam Thủ Đức, Bộ Công an. Có mặt tại phiên tòa.

*\* Bị hại:*

Ông Nguyễn Trị Q, Sinh năm 1985 (vắng mặt)  
Trú tại: Thôn TT, xã TN, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Ngọc A, Sinh năm 1967 (vắng mặt)  
Trú tại: Thôn TA, xã TN, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

*\*/ Người làm chứng:*

1/ Ông Nguyễn Văn H, Sinh năm 1979 (vắng mặt)  
Trú tại: Khu phố 15, phường M, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

2/ Ông Lê Văn T1, Sinh năm 1998 (vắng mặt)  
Trú tại: Khu phố 15, phường M, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Vào sáng ngày 13/10/2019, Nguyễn Văn S đi bộ đến nhà Lê Văn T rủ T đi uống cà phê. Sau đó, S và T đến quán cà phê “Phố Biển” (thuộc khu phố 1, phường M, thành phố P) uống cà phê, tại đây S nói với T “sau khi uống cà phê xong thì đi lên xã TN xem có gì (tức là tài sản) sơ hờ thì lấy trộm bán lấy tiền mua ma túy thì T đồng ý. Đến khoảng 8 giờ sáng cùng ngày, S điều khiển xe mô tô hiệu Atila (không rõ biển số) của T, chở T ngồi phía sau đi từ phường M đến xã TN mục đích tìm tài sản sơ hờ để trộm cắp. Khi S và T đến trước xưởng cưa do anh Nguyễn Trị Q (sinh năm 1985, trú tại khu phố 2, phường M, Tp P) làm chủ (tại thôn Tiến Trung, xã TN, Tp P) thấy không có người trông coi nên S và T nảy S ý định vào xưởng cưa trộm cắp tài sản. Sau đó, T đứng ngoài chờ và canh giới, còn S đi vào trong xưởng tìm kiếm tài sản. Trong lúc tìm tài sản thì S nhìn thấy hai chiếc chìa khóa được để ở trong ly thủy tinh cạnh cánh cửa kho nên S đã lấy chìa khóa mở cửa kho ra và thấy có nhiều máy cưa cầm tay nên S lấy ra 01 cái máy cưa gỗ cầm tay màu vàng hiệu STHIL 381, không có dây xích và lưỡi cưa mang ra ngoài để lên xe mà T đang đứng chờ. Sau đó, S quay vào và tiếp tục lấy 01 cái máy cưa gỗ cầm tay màu đỏ không có số hiệu, có dây xích và lưỡi cưa mang ra xe T đang chờ sẵn bên ngoài. Sau khi lấy được hai máy cưa bỏ lên xe, T ngồi phía sau yên xe giữ máy cưa cho S chở đi tiêu thụ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày 13/10/2019, S chở T cùng với hai máy cưa vừa trộm được đến nhà anh Nguyễn Văn H (sinh năm 1979, trú tại khu phố 15, phường M, Tp P) để bán. S mang hai máy cưa đến gặp anh H còn T đứng ngoài chờ S. Gặp anh H, S nói “Máy cưa này là của S nên nhờ anh H mua giùm”. Anh H tưởng thật nên đồng ý mua với giá 450.000 đồng. Sau khi nhận được tiền từ anh H, S và T mua ma túy về sử dụng hết. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, sau khi mua hai máy cưa của S và T thì anh H bán lại cho Nguyễn Ngọc A (sinh năm 1967, trú tại thôn TA, xã TN, Tp Phan 2 Thiết) với giá 1.000.000 đồng (khi mua Nguyễn Ngọc A không hỏi về nguồn gốc của chiếc máy cưa). Đến khoảng 7 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, anh Nguyễn Trị Q phát hiện bị mất hai cái máy cưa nên anh Q mở camera tại xưởng cưa xem thì phát hiện vào khoảng 8 giờ ngày 13/10/2019, có hai thanh niên điều khiển xe mô tô Atila không rõ biển số đến xưởng cưa của anh Q lấy trộm hai cái máy cưa của anh. Nên anh Q đã đến Công an xã TN, Tp P trình báo. Công an xã TN đã triệu tập S và T về trụ sở làm việc, S và T đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên. Vật chứng của vụ án: - 01 chiếc máy cưa hiệu STIHL 381 màu vàng, không có dây xích, lưỡi lam - 01 chiếc máy cưa không có số hiệu, màu đỏ, có đầy đủ dây xích và lưỡi lam, trên thân máy có ghi tên Chiến

Thăng bằng viết xóa màu trắng do Nguyễn Ngọc A giao nộp. (Bút lục: từ 43 đến 52, từ 69-80).

Tại Kết luận định giá tài sản số 263/KL-HĐĐG ngày 06/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: 01 máy cưa cầm tay hiệu STIHL 381 màu vàng, không có dây xích và 01 máy cưa cầm tay, không nhãn hiệu, màu đỏ, có dây xích. Tổng giá trị tài sản là 5.250.000 đồng. (Bút lục: 23-24)

Đối với chiếc xe mô tô hiệu Atila, không rõ biển số và số máy, số khung mà T và S sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 13/10/2019 là của Lê Văn T1 (sinh năm 1998, trú tại khu phố 15, phường M, thành phố P, là em ruột của T). Chiếc xe mô tô hiệu Atila T1 mua vào năm 2018 với giá 2.000.000 đồng của một người bạn (không nhớ họ tên), quá trình mua bán hai bên không làm hợp đồng mua bán, không sang tên. Vào sáng ngày 13/10/2019, T mượn xe của T1 đi uống cà phê nên T1 đồng ý. Sau khi T trả lại xe cho T1 đã bị kẻ gian trộm cắp. Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại hai chiếc máy cưa nêu trên cho anh Nguyễn Trị Q. Anh Q nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự. Đối với anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS-PT ngày 18 tháng 6 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố P giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Lê Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” đề nghị hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S, mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T, mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại bản án số 201/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố P, buộc bị cáo Lê Văn T chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về dân sự người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xét.

Bị cáo S và bị cáo T xác định cáo trạng truy tố là không oan sai, bị cáo không tranh luận gì, thống nhất với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì các bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

**Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:**

### **[1] Về tố tụng:**

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **[2] Về căn cứ để buộc tội bị cáo:**

Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Nguyễn Văn S, Lê Văn T thực hiện. Vào khoảng 8 giờ ngày 13/10/2019, tại xưởng cưa của anh Nguyễn Trị Q (thuộc thôn Tiến Trung, xã TN, thành phố P), Lê Văn T và Nguyễn Văn S có hành vi trộm cắp 02 chiếc máy cưa cầm tay trị giá 5.250.000 đồng của anh Nguyễn Trị Q.

Hành vi nêu trên của Lê Văn T và Nguyễn Văn S là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo với tội danh và khung hình phạt như đã viện dẫn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét bị cáo Nguyễn Văn S vì động cơ tư lợi nên đã cố ý thực hiện hành vi lén lút nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài, bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính nguy hiểm cao cho xã hội, không những xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản của công dân mà còn tạo dư luận xấu, gây mất trật tự trị an cho xã hội do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm.

Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cho thấy: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi của mình đối với xã hội, ý thức được quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng với bản chất lười biếng, lười lao động muốn có tiền tiêu xài, nên bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất ổn định về trật tự tại địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội.

Xét bị cáo Lê Văn T, được S rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý, Sau khi thỏa thuận, S điều khiển xe mô tô hiệu Atila (không rõ bản số) của T chở T đi trộm cắp. Vì vậy bị cáo đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản” với bị cáo S.

Đánh giá về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo cho thấy: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức cũng như khả năng điều khiển hành vi của mình đối với xã hội, ý thức được quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, thế nhưng với bản chất lười biếng, lười lao động muốn có tiền tiêu xài, nên bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp pháp luật.

Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây mất ổn định về trật tự tại địa phương là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần xử lý bằng biện pháp hình sự để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có thời gian tu dưỡng, rèn luyện trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội.

**[3] Về T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Lê Văn T sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên được hưởng T tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

**[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

Anh Nguyễn Văn H và anh Nguyễn Ngọc A không yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xét.

- Đối với chiếc xe mô tô hiệu Atila, không rõ biển số và số máy, số khung mà T và S sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản vào ngày 13/10/2019 là của Lê Văn T1 (sinh năm 1998, trú tại khu phố 15, phường M, thành phố P, là em ruột của T). Chiếc xe mô tô hiệu Atila T1 mua vào năm 2018 với giá 2.000.000 đồng của một người bạn (không nhớ họ tên), quá trình mua bán hai bên không làm hợp đồng mua bán, không sang tên. Vào sáng ngày 13/10/2019, T mượn xe của T1 đi uống cà phê nên T1 đồng ý. Sau khi T trả lại xe cho T1 đã bị kẻ gian trộm cắp. Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

**[5] Về án phí:** Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

\* **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015

\* **Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn S **15 (mười lăm) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

\* **Áp dụng:** khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015

\* **Xử phạt:** Bị cáo Lê Văn T **12 (mười hai) tháng** tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù tại bản án số 201/2019/HSST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố P, buộc bị cáo Lê Văn T chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **03 (ba) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2020.

\* **Về bồi thường dân sự:** Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên không xét.

\* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Lê Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo bản án của các bị cáo là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (18/8/2020), của người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND tp P;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp P;
- Người tham gia tố tụng;
- Thi hành án thành phố P;
- Lưu hồ sơ.

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán Chủ Tọa Phiên Tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Dũng**